



VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /2026/VBHN-TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung
đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Thông tư số 49/2013/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm.¹

¹ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm để thực hiện các dự án áp dụng VietGAP đối với các sản phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây viết tắt là Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm để thực hiện các dự án áp dụng VietGAP.

Chương II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÙNG SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT TẬP TRUNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung

Vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp của địa phương và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
2. Quy mô diện tích của vùng sản xuất trồng trọt tập trung phù hợp với từng đối tượng cây trồng và điều kiện cụ thể của từng địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.
3. Chuyên canh sản xuất một loại sản phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT; riêng đối với vùng sản xuất rau hoặc lúa, tùy điều kiện cụ thể được luân canh với cây trồng ngắn ngày khác.

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.”

4. Không bị ô nhiễm đất, nước, không khí quá mức cho phép ảnh hưởng đến chất lượng nông sản; đáp ứng yêu cầu về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất nông nghiệp theo quy định tại QCVN 03:2008/BTNMT ngày 18/7/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và giới hạn cho phép của một số kim loại nặng, vi sinh vật gây hại trong nước tưới đối với sản xuất trồng trọt theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đáp ứng tiêu chí về cơ sở hạ tầng đối với vùng sản xuất tập trung được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 4. Tiêu chí cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung

1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông đến vùng sản xuất, trong vùng và đến nơi tập trung sản phẩm phải thuận lợi; cấp độ và quy mô công trình phù hợp yêu cầu sản xuất và đầu tư của vùng.

2. Hệ thống thủy lợi

a) Đối với vùng sản xuất rau, lúa nước tập trung: Có hệ thống tưới, tiêu chủ động; cấp độ và quy mô công trình phù hợp yêu cầu sản xuất và đầu tư của vùng;

b) Đối với vùng sản xuất quả, chè, cà phê, hồ tiêu tập trung: Có hệ thống tưới, tiêu chủ động hoặc khai thác nguồn nước tự nhiên như nước ngầm, nước mưa, nước ao hồ, sông suối đáp ứng yêu cầu sản xuất của vùng;

c) Đối với vùng sản xuất tập trung bị ảnh hưởng của lũ, triều cường, xâm nhập mặn: có hệ thống đê, bờ bao, cống đảm bảo chống lũ, ngăn mặn, phân ranh giới vùng nước ngọt, nước lợ, nước mặn đáp ứng yêu cầu sản xuất của vùng.

3. Hệ thống điện

Hệ thống điện đảm bảo đủ công suất, ổn định, an toàn, phù hợp với điều kiện cụ thể, đáp ứng yêu cầu sản xuất của vùng.

4. Hệ thống thu gom chất thải

Có thể áp dụng một trong hai cách thu gom chất thải, rác thải từ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật:

a) Cách thứ nhất: Xây dựng bể chứa ở vị trí thuận lợi để thu gom chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật; bể chứa xây kiên cố có đáy, mái che và không bố trí ở chỗ thấp, trũng; số lượng, kích thước bể chứa phụ thuộc quy mô sản xuất và mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

b) Cách thứ hai: Sử dụng dụng cụ chứa chất thải, rác thải kín, không cho chất thải phát tán; số lượng và kích thước dụng cụ phù hợp quy mô sản xuất và mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của vùng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Phân công trách nhiệm

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phê duyệt quy hoạch xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện Thông tư này tại địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường²

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức thực hiện Thông tư này; Quý 4 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường³.

3. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴

a) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật⁵ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶ việc thực hiện Thông tư này;

b) Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tham gia hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Thông tư này.

Điều 6. Điều khoản thi hành⁷

² Cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

³ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁵ Cụm từ “Cục Trồng trọt” được thay thế bởi cụm từ “Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷ Điều 30 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 30. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 59/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số Điều của Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến 2015.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁸ để nghiên cứu, giải quyết kịp thời./.

Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC**GIỚI HẠN CHO PHÉP CỦA MỘT SỐ KIM LOẠI NẶNG, VI SINH VẬT GÂY HẠI TRONG NƯỚC TƯỚI ĐỐI VỚI SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2013/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Thông số ⁽¹⁾	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Ghi chú
1	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,001	
2	Cadimi (Cd)	mg/l	0,01	
3	Arsen (As)	mg/l	0,05	
4	Chì (Pb)	mg/l	0,05	
5	Fecal. Coli	Số vi khuẩn/100ml	200	Đối với rau ăn tươi sống

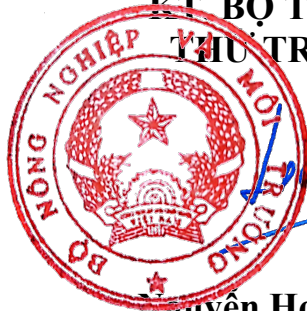
Ghi chú (1): Trích từ QCVN 39:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC, TTTV.

Ne